

Số: 13/KH-TH&THCSST

Mường Lay, ngày 15 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH
THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CỦA MÔN HỌC,
HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, NĂM HỌC 2025 - 2026

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ giáo dục và đào tạo về việc ban hành điều lệ trường THCS, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Quyết định số 2269/QĐ-BGDĐT ngày 11/8/2025 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành kế hoạch thời gian năm học 2025 – 2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc ban hành kế hoạch thời gian năm học 2025 – 2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Trường PTDTBT Tiểu học và Trung học cơ sở Sá Tổng xây dựng kế hoạch thời gian thực hiện chương trình của môn học, hoạt động giáo dục năm học 2025 – 2026 cụ thể như sau:

1. Quy định thời gian học:

Ngày tựu trường: Sớm nhất ngày 29/8/2025. Riêng khối lớp 1, khối 9 tựu trường ngày 22/8/2025.

- Tổ chức khai giảng: Ngày 05/9/2025.

* Học kì I (TH+THCS): Từ ngày 08/9/2025 đến trước ngày 18/01/2026 (có ít nhất 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

* Học kì II (Cấp TH+THCS): Từ ngày 19/01/2026 đến trước ngày 31/5/2026 (có ít nhất 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

- Xét công nhận hoàn thành chương trình tiểu học và xét công nhận tốt nghiệp THCS trước ngày 15/6/2026.

- Hoàn thành tuyển sinh các lớp đầu các cấp học: Trước ngày 31/7/2026.

- Thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 9 và thành lập đội tuyển tham gia kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh trước ngày 31/12/2025.

- Các ngày nghỉ lễ, tết được thực hiện theo của bộ Luật lao động và các văn bản hướng dẫn hàng năm. Thời gian nghỉ phép của giáo viên được thực hiện trong thời gian hè hoặc có thể bố trí xen kẽ vào thời gian khác

trong năm để phù hợp với đặc điểm cụ thể và kế hoạch thời gian năm học của địa phương.

2. Quy định số tiết dạy:

2.1. Cấp Tiểu học

Học kỳ 1

A. Môn học và hoạt động giáo dục	Số tiết/học kỳ 1				
	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Tiếng Việt	216	180	126	126	144
Toán	54	90	90	90	90
Tiếng Anh	0	0	72	72	72
Đạo đức	18	18	18	18	18
Tự nhiên - Xã hội	36	36	36	0	0
Lịch sử và Địa lí	0	0	0	36	36
Khoa học	0	0	0	36	36
Tin học	0	0	18	18	0
Công nghệ (Tin học lớp 5)	0	0	18	18	0
Giáo dục thể chất (Thể dục lớp 5)	36	36	36	36	36
Nghệ thuật (Âm nhạc)	18	18	18	18	18
Nghệ thuật (Mĩ thuật)	18	18	18	18	18
Hoạt động trải nghiệm	54	54	54	54	0
Kĩ thuật lớp 5	0	0	0	0	18
Hoạt động giáo dục lớp 5	0	0	0	0	0
Tăng cường tiếng Việt	18	18	18	0	0
Đọc sách tại thư viện	18	18	18	18	18
Tổng số tiết học bắt buộc /học kỳ 1	486	486	540	558	504
B. Tự chọn					
Tiếng dân tộc Thái, dân tộc Mông	0	0	0	0	0
Tiếng Anh	36	36	0	0	0
Câu lạc bộ	18	18	18	0	18
Tổng số tiết tự chọn/học kỳ 1	54	54	18	0	18

Học kỳ 2

A. Môn học và hoạt động giáo dục	Số tiết/học kỳ 2				
	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Tiếng Việt	204	170	119	119	136
Toán	51	85	85	85	85

Tiếng Anh	0	0	68	68	68
Đạo đức	17	17	17	17	17
Tự nhiên - Xã hội	34	34	34	0	0
Lịch sử và Địa lí	0	0	0	34	34
Khoa học	0	0	0	34	34
Tin học	0	0	17	17	0
Công nghệ	0	0	17	17	0
Giáo dục thể chất (Thể dục lớp 5)	34	34	34	34	34
Nghệ thuật (Âm nhạc)	17	17	17	17	17
Nghệ thuật (Mỹ thuật)	17	17	17	17	17
Hoạt động trải nghiệm	51	51	51	51	0
Kĩ thuật lớp 5	0	0	0	0	17
Hoạt động giáo dục lớp 5	0	0	0	0	0
Tăng cường tiếng Việt	17	17	17	0	0
Đọc sách tại thư viện	17	17	17	17	17
Tổng số tiết học bắt buộc/học kỳ 2	459	459	510	527	476
B. Tự chọn					
Tiếng dân tộc Thái, dân tộc Mông	0	0	0	0	0
Tiếng Anh	34	34	0	0	0
Câu lạc bộ	17	17	17	0	17
Tổng số tiết tự chọn/học kỳ 2	51	51	17	0	17

2.2. Cấp Trung học cơ sở

TT	Môn học/ loại giáo dục	Số tiết học từng môn của lớp 6			Số tiết học từng môn của lớp 7			Số tiết học từng môn của lớp 8			Số tiết học từng môn của lớp 9		
		HK1	HK2	CN	HK1	HK2	CN	HK1	HK2	CN	HK1	HK2	CN
1	Ngữ văn	72	68	140	72	68	140	72	68	140	90	85	175
2	KHXH (sử, địa)	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105
3	Ngoại ngữ	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105
4	Toán	72	68	140	72	68	140	72	68	140	72	68	140
5	KHTN (Lý, hóa, sinh)	72	68	140	72	68	140	72	68	140	108	102	210

6	GD công dân	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
7	Công nghệ	18	17	35	18	17	35	18	34	52	18	17	35
8	HĐGD (Âm nhạc)	18	17	35	18	17	35	18	17	35	0	18	18
9	HĐGD (Mỹ thuật)	18	17	35	18	17	35	18	17	35	17	0	17
10	HĐGD (Thể dục)	36	34	70	36	34	70	36	34	70	72	68	140
11	Tin học	18	17	35	18	17	35	18	17	35	36	34	70
12	Tự chọn			0			0			0	13	13	26
13	Chào cờ										18	17	35
14	SH Lớp										18	17	35
15	HĐTN&HN	18	17	105	18	17	105	18	17	105	4	5	9
16	ND GDĐP	18	17	35	18	17	35	18	17	35			
Tổng số tiết		486	459	1015	486	459	1015	486	476	1032	580	549	1094
Số tiết/tuần (cả năm học)		1015/ 35 tuần = 29 tiết			1015/ 35 tuần = 29 tiết			1032/35 tuần = 29,5 tiết			1094/35 tuần = 31,3 tiết		

3. Tổ chức thực hiện:

Căn cứ kế hoạch thời gian thực hiện chương trình của môn học/hoạt động giáo dục trên các tổ chuyên môn tiến hành xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình thực tế của tổ chuyên môn và các điều kiện khác của nhà trường. Chuyên môn nhà trường chủ động tham mưu và bố trí thời gian thực hiện chương trình đảm bảo tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với người học (không bắt buộc phải dạy môn học ở tất cả các tuần, không bắt buộc phải chia đều số tiết/tuần để sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên, nhân viên hiện có.

Trong quá trình thực hiện có điều chỉnh, bổ sung nếu cần thiết.

Nhận được văn bản này, đề nghị các tổ chuyên môn và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Phòng VH_XH để báo cáo;
- BGH, TCM, đoàn thể để thực hiện
- Lưu: VT.



Hoàng Đình Tạng